

Mật Tạng Bộ 2\_ No.972 (Tr.364\_ Tr.368)

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI  
NIỆM TỤNG NGHI QUY PHÁP  
\_MỘT QUYỀN\_

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty\_Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh\_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ\_ Ban áo tía tưng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí\_Chùa Đại Hưng Thiện\_Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Phàm Pháp **Niệm Tụng Đà La Ni**. Trước tiên ở **Tam Muội Gia Mạn Đà La** (Samaya-maṇḍala) nhìn thấy Thánh Chúng, được Quán Đỉnh, biết Bản Tôn. Theo Thầy nhận được Tam Muội Gia (Samaya :Bản thể). Liên ở khoảng giữa núi, nơi nhàn nhã, hoặc ở tịnh thất, vẽ tượng Bản Tôn **Tôn Thắng Đà La Ni**, an ở vách tường phía Đông, còn người trì tụng ở phía đối diện

Ở chỗ Niệm Tụng ấy, đào sâu xuống đất một khuỷu tay rưỡi. Trong đất, nếu có gạch ngói, xương, tro, lông, tóc với các vật dơ uế...đều nên trừ bỏ đi. Nếu không có, thì quay lại lấy đất cũ (bản thổ) lấp lại cho đầy khiến cho bằng phẳng. Nếu đất có dư thì là đất cát tường. Dùng Cồ Ma Di (phân bò) hòa với đất tốt, làm bùn xoa tô mặt đất khiến cho bằng phẳng. Lại lấy Cồ Ma Di (phân bò) hòa với nước, tụng **Vô Năng Thắng Đà La Ni** 21 biến gia trì vào Cồ Ma Di (phân bò)

**Vô Năng Thắng Chân Ngôn** ấy là:

« Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) Án (2) hỏ lỗ, hỏ lỗ (3) chiến noa lý (4) ma đặng nghĩ (5) sa-phộc hạ »

ॐ मम मम वृक्षं न उं सुव सुव वृक्षं मम मम सुव

**Namaḥ samanta-buddhānām \_Om hulu hulu caṇḍali mataṅgi svāhā**

Gia trì xong. Sau đó từ góc Đông Bắc, bắt đầu xoay vòng theo bên phải. Tiếp lấy lá **Thục Quỳnh** hoặc lá **Liên Tử**, lau chùi khiến cho sáng sạch. Ở bên trên lấy phấn trắng hòa với nước, dùng dây chia ra chín vị trí. Mài **Bạch Đàn Hương** trên đá, dùng xoa bôi chín vị trí.

Chín vị trí ấy là:

\_Chính giữa an vị trí của Đức Phật **Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana) [*Chủng Tử* là Ah (ॐ)]

\_Bên phải an vị trí của Bồ Tát **Quán Tự Tại** (Avalokiteśvara) [*Chủng Tử* là Sa (ॐ)]

\_Phía sau Quán Tự Tại, an vị trí của Bồ Tát **Từ Thị** (Maitreya) [*Chủng Tử* là Yu (ॐ)]

\_Phía sau vị trí của Đức Phật Tỳ Lô Giá Na, an vị trí của Bồ Tát **Hư Không Tạng** (Ākāśa-garbha) [*Chủng Tử* là A (ॐ)]

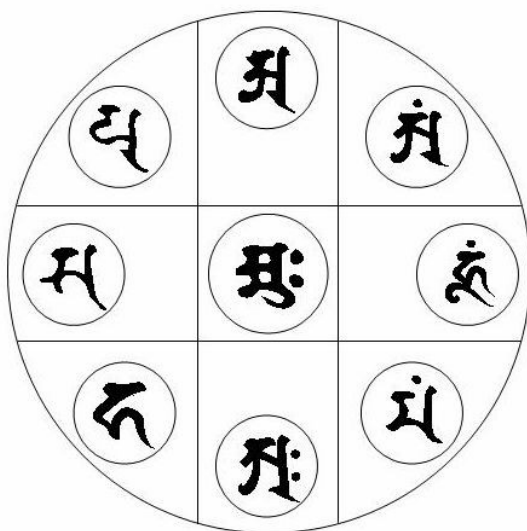
\_ Bên trái của vị Bồ Tát này, an vị trí của Bồ Tát **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra) [*Chủng Tử* là Aṃ (ॐ)]

\_ Bên trái vị trí của Đức Phật Tỳ Lô Giá Na, an vị trí của Bồ Tát **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi) [*Chủng Tử* là Hūṃ (ॐ)]

\_ Bên dưới vị trí của Bồ Tát Kim Cương Thủ, an vị trí của Bồ Tát **Văn Thù Sư Lợi** (Mañjuśrī) [*Chủng Tử* là Maṃ (ॐ)]

\_ Trước mặt Đức Phật Tỳ Lô Giá Na, an vị trí của Bồ Tát **Trừ Cái Chướng** (Sarva-nīvaraṇa-viśkaṃbhin) [*Chủng Tử* là A (ॐ)]

\_ Bên phải vị trí của Bồ Tát Trừ Cái Chướng, an vị trí của Bồ Tát **Địa Tạng** (Kṣīti-garbha) [*Chủng Tử* là Ha (ॐ)]



Đây gọi là chín vị trí, đều dùng Bạch Đàn Hương xoa bôi, dùng làm **Nghênh Thỉnh** vị trí của Hiền Thánh

Bốn bên của Đạo Trường, sáng sớm phụng hiến cháo sữa. Thời Trai (giữa trưa) hiến Lạc, cơm kèm thức ăn béo có vị ngọt với dùng các loại nước uống và các quả trái.

Bốn cửa an bốn lò hương

Bốn góc an bốn cái bình sạch chứa đầy nước thơm, cắm hoa hoặc cây có lá xanh, dùng để cúng dường

Bốn góc thấp bốn cái chén đèn bơ

Phía trước Đạo Trường, ở trước mặt người niệm tụng an trí hai cái bát nhỏ chứa đầy nước thơm Át Già (Ārgha) cúng dường. Lấy vật khí bằng vàng, bạc, đồng đã tôi luyện, sứ hoặc vật khí bằng ngói mới, hoặc cái chén bằng vỏ ốc, hoặc lá cây mới sạch...chẳng được dùng thứ khác.

Khi muốn chứa thức ăn thời trước tiên nên rửa sạch vật khí, úp che dùng khói hương xông ướp bên trong. Chứa đầy thức ăn xong, lại dùng khói hương xông ướp. Dùng **Vô Năng Thắng Đà La Ni** gia trì vào nước rưới vẩy. Liền ở trong Đàn, xoay theo bên phải an bày. Sau đó ở trước Đàn, an cái giường có chân thấp, cách mặt đất nửa thốn (tấc Tàu). Hoặc trải chiếu bằng cỏ tranh, hoặc cái chiếu bằng vật sạch để người niệm tụng ngồi.





Đồng với năm chỗ lúc trước, đều tụng Chân Ngôn một biến. Do gia trì này thì thân của mình thành **Bị Kim Cương Giáp Trụ** (Mặc giáp trụ Kim Cương), tất cả Thiên Ma không thể gần gũi.

\_ Tiếp kết **Bất Động Tôn Ấn**. Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mạn đa phộc nhật-la nam (1) chiến noa, ma hạ lô sa noa (2) tát-phả tra gia (3) hồng, đát-la tra, hám hàm”

ॐ म्मः म्मम् ॐ वज्रमन्त्रं वज्रं मन्त्रं पद्मं म्मम् ॐ वज्रं नमः ॐ

**Namah samanta-vajrāṇaṃ\_ Caṇḍa mahā-roṣaṇa sphaṭya hūṃ traṭ \_ hām māṃ**

Kết Ấn là: Hai tay đều đem ngón cái vịn trên móng ngón út với ngón vô danh, đều kèm dựng ngón giữa, ngón trỏ. Tay trái làm vỏ bọc, tay phải làm đao, đưa đao vào vỏ, dạng có Đao Ấn



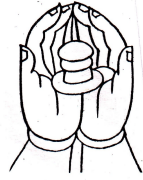
Chuyển xoay theo bên trái, Tịch Trừ các Ma, loài gây chướng trong Đạo Trường.

Chuyển xoay tám phương theo bên phải, kết **Thượng Hạ Phương Ngung Giới**

Sau đó tưởng núi Tu Di (Sumeru) trong Đạo Trường. Ở trên đỉnh núi, tưởng lầu gác bảy báu. Ở trong lầu gác có Đức Phật Tỳ Lô Giá Na với tám mươi câu chi Bồ Tát Ma Ha Tát mãn túc mười Địa, dùng làm quyền thuộc tự vây quanh. Bốn cửa, bốn góc đều có bốn vị Bồ Tát [Câu (𑖅), Sách (𑖆), Tỏa (𑖇), Linh (𑖈)] với tám vị Cúng Dường dùng làm Nội Ngoại Cúng Dường [4 Nội Cúng Dường : Hý (𑖉), Man (𑖊), Ca (𑖋), Vũ (𑖌) và 4 Ngoại Cúng Dường: Hương (𑖍), Hoa (𑖎), Đăng (𑖏), Đồ (𑖐)]. Quán tưởng phụng hiến, mỗi mỗi thật rõ ràng.







Tiếp kết **Phụng Hiến Đồ Hương Ấn**. Tụng Chân Ngôn là:  
“Năng mặc tam mãn đà một đà nam (1) vi du đà, hiến độ nạp bà phộc gia, sa-phộc hạ”

ॐ मः समं व हं नमः ॐ सु हं ग हं नमः ॐ नमः

**Namaḥ samanta-buddhānāṃ\_Viśuddha gandha-udbhavāya svāhā**

Tướng kết Ấn là: Tay phải dựng đứng lòng bàn tay hướng ra bên ngoài, đem tay trái nắm cổ tay phải



Tụng ba biến. Do uy lực của Ấn Chân Ngôn này, tuôn ra tất cả biển mây hương xoa bôi, cúng dường tất cả Như Lai với các chúng Thánh.

Tiếp kết **Phụng Hiến Hoa Man Ấn**. Tụng Chân Ngôn là:  
“Năng mặc tam mạn đà một đà nam. Ma hạ muội đất-lý-dạ, tỳ-dữu na nghiệt đế, sa-phộc hạ”

ॐ मः समं व हं नमः म नः ॐ सु म हं नमः ॐ नमः

**Namaḥ samanta-buddhānāṃ\_Mahā-maitrya abhyudgate svāhā**

Tướng kết Ấn là: Hai tay cài chéo các ngón bên trong rồi ngửa lòng bàn tay, ngón trở cùng trụ nhau. Tụng ba biến



Do uy lực của Ấn này với Chân Ngôn, tuôn ra tất cả biển mây vòng hoa (hoa man), cúng dường tất cả Như Lai, chúng Thánh

Tiếp kết **Phụng Hiến Thiêu Hương Ấn**. Chân Ngôn là:  
“Năng mặc tam mạn đà một đà nam (1) đạt ma đà đất-phộc noa tỳ âm nghiệt đế, sa-phộc hạ”

ॐ नमो समन्तबुद्धाय धर्मद्वारप्रदाय स्वहा

**Namaḥ samanta-buddhānāṃ Dharma-dhātu anugate svāhā**

Tướng kết Ấn là: Hai tay ngửa lòng bàn tay, đem ngón út, ngón giữa, ngón vô danh co lại, dựng thẳng cùng ngược nhau

Tụng ba biến. Do uy lực của Ấn Chân Ngôn này, tuôn ra tất cả biển mây hương đốt, cúng dường tất cả Như Lai với các chúng Thánh.

Tiếp kết **Phụng Hiến Âm Thực Ấn**. Tụng Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mạn đà một đà nam. A la la, ca la la, mạc lân nại nê, mạc lý, sa-phộc hạ”

ॐ नमो समन्तबुद्धाय अरारकरारवलिददे महावलि स्वहा

**Namaḥ samanta-buddhānāṃ Arara karara valiṃ-dade mahā-valiḥ svāhā**

Tướng kết Ấn là:Chấp hai tay lại giữa rỗng, kín đáo khiến mở lòng bàn tay như vật khí



Tụng ba biến. Do uy lực của Ấn Chân Ngôn này, tuôn ra vô biên biển mây thức ăn uống, cúng dường tất cả Như Lai với các chúng Thánh

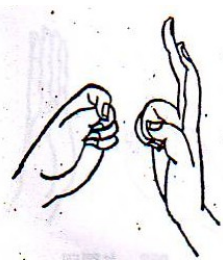
Tiếp kết **Phụng Hiến Đẳng Minh Ấn**. Tụng Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mạn đà một đà nam (1) đất tha nghiệt đất tử, sa-phả la ninh (2) phộc bà sa na (3) nga nga nhu na lý-dã, sa-phộc hạ”

ॐ नमो समन्तबुद्धाय तथगतार्चि सफराणावभसाना गगानुदर्या स्वहा

**Namaḥ samanta-buddhānāṃ Tathāgata-arci spharaṇa-avabhāsana gagana-udārya svāhā**

Tướng kết Ấn là:Tay phải nắm quyền dựng ngón giữa, (?và ngón trỏ) đem ngón cái vịn lóng giữa của ngón giữa (?lóng giữa của ngón vô danh). Tụng ba biến

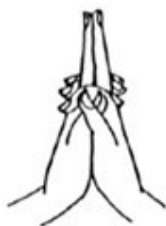


Do uy lực của Ấn Chân Ngôn này, tuôn ra vô biên biển mây đèn sáng, cúng dường tất cả Như Lai với các chúng Thánh





Tác Quán đó xong. Hai tay cài chéo các ngón bên ngoài rồi nắm thành quyền, dựng hai ngón giữa. Dùng **Kim Cương Ba La Mật Ấn** này gia trì ở bốn chỗ là :ấn trái tim, vàng trán, cổ họng, đỉnh đầu



Ấn xong liền bung bàn tay. Tụng **Kim Cương Ba La Mật Chân Ngôn** là:

“Ấn, tát đát-phộc, phộc nhật-ly, hồng”

ॐ स त्वा वज्रि हूँ

**Oṃ \_ satva-vajrī hūṃ**

Ngay lúc ấn bốn chỗ thời đều tụng một biến.

\_ Liền đem Ấn lúc trước an ở trên trán, tụng ba biến dùng làm **Quán Đỉnh** (Abhiṣmca). Quán Đỉnh xong, đem tay Ấn ấy chia ra hai bên, dùng Kim Cương Quyền nối tiếp phía sau đỉnh đầu. Tụng Chân Ngôn là:

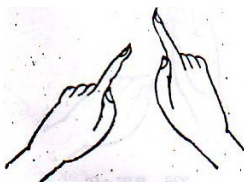
“Ấn, phộc nhật-la, tỳ sấn già”

ॐ वज्र अब्र

**Oṃ \_ Vajra- abhiṣmca**

Tụng ba biến.

\_ Liền kết **Bị Giáp Ấn**: hai tay đều tác Kim Cương Quyền, đều dựng thẳng ngón trở. Ngang trái tim cùng cột ràng nhau, như nối tiếp Giáp Trụ



Tiếp ở sau lưng cũng lại như vậy. Tiếp hai vai cũng nối tiếp như thế. Tiếp đến dưới đỉnh đầu, sau cổ họng, trước trán...lui về phía sau não, đem hai Kim Cương Quyền nối tiếp chậm chậm rũ bàn tay ở hai bên, từ từ hạ xuống như thế rũ dài.

Liền đem hai lòng bàn tay cùng vỗ nhau ba tiếng. Tụng **Bị Giáp Chân Ngôn** là:

“Ấn, chiêm”

ॐ इ

**Oṃ tuṃ**

\_ Lại **Phách Chương** (Vỗ tay) **Chân Ngôn** là:

“Ấn, phộc nhật-la, đồ sử-gia, hộc”

ॐ वज्र तुष्य हः  
Om \_ Vajra tusya hoḥ

\_ Tự tưởng thân của mình thành **Bản Tôn** xong. Chắp hai tay lại, co hai ngón trỏ cùng ngược móng ngón, đem hai ngón cái đè đầu hai ngón trỏ như thế búng ngón tay.



Liên tụng **Tôn Thẳng Đà La Ni** là :

- 1\_ Nãng mộ bà nga phộc đế
- 2\_ Đát-lặc lộ chỉ-dã
- 3\_ Bát-la đề
- 4\_ Vĩ thủy sắt-tra dã
- 5\_ Bột đà da
- 6\_ Bà nga phộc đế
- 7\_ Đát nễ-dã tha
- 8\_ Ân
- 9\_ Vĩ thú đà dã
- 10\_ Tam ma tam mãn đa phược bà sa
- 11\_ Tát-phả la noa
- 12\_ Nghiệt đề, nga hạ nãng
- 13\_ Tát-la bà phộc, thuật đệ
- 14\_ A tỳ sãn tả hàm
- 15\_ Tô nga đa, phộc la, phộc tả nãng
- 16\_ Mật-lật đa, tỳ sái kế
- 17\_ A hạ la, a hạ la
- 18\_ A dục, tán đà la nê
- 19\_ Tuất đà dã, thú đà dã
- 20\_ Nga nga nãng, vĩ thuật đề
- 21\_ Ô-sắt-nê sa
- 22\_ Vĩ nhạ dã, vĩ thuật đề
- 23\_ Sa hạ sa-la
- 24\_ La thấp-nhị, tán tổ nỉ đế
- 25\_ Tát phộc đát tha nghiệt đa
- 26\_ Địa sắt-xá nãng, địa sắt-xỉ đa
- 27\_ Mẫu nại lệ
- 28\_ Phộc nhật-la ca gia
- 29\_ Tăng hạ đát na, thuật đệ
- 30\_ Tát phộc, phộc la noa, vĩ thuật đệ

- 31\_ Bát-la để nễ mặt đa dã
- 32\_ A dục, thuật đệ
- 33\_ Tam ma da, địa sắt-xi đế
- 34\_ Ma nê, ma nê
- 35\_ Đát thát đa, bộ đa, câu chi
- 36\_ Bả lý thuật đệ
- 37\_ Vĩ sa-bồ tra
- 38\_ Bột địa, thuật đệ
- 39\_ Nhạ dã, nhạ dã
- 40\_ Vĩ nhạ dã, vĩ nhạ dã
- 41\_ Sa-ma la, sa-ma la
- 42\_ Tát phộc bột đà địa sắt-xi đa, thuật đệ
- 43\_ Phộc nhật-lê, phộc nhật-la nghiệt tỳ
- 44\_ Phộc nhật-lãm bà phộc đồ
- 45\_ Ma ma (Họ tên là...)
- 46\_ Tát phộc tát đát-phộc
- 47\_ Nan tả, ca dã, vĩ thuật đệ
- 48\_ Tát phộc nghiệt đề
- 49\_ Bả lý thuật đệ
- 50\_ Tát phộc đát tha nghiệt đa
- 51\_ Tam ma, thấp-phộc sa, địa sắt-xi đế
- 52\_ Bột đình-dạ, bột đình-dạ
- 53\_ Mạo đà dã, mạo đà dã
- 54\_ Tam mãn đa, bả lý thuật đệ
- 55\_ Tát phộc đát tha nghiệt đa
- 56\_ Địa sắt-xá năng
- 57\_ Địa sắt-xi đa
- 58\_ Ma hạ mẫu nại-lê
- 59\_ Sa-phộc hạ

ॐ नमो भगवते त्रैलोक्ये प्रविशिष्ये बुद्धये भगवते  
 Namo bhagavate trailokya prativīṣṭaya buddhāya bhagavate

तद्यथा

Tadyathā

ॐ विमलये सम

Oṃ Viśodhaya sama

समन्तवस्सु सङ्गामे गते गच्छन् सुखे विमुक्ते

Samanta-avabhāsa, spharaṇa gati gahāna, svabhāva viśuddhe

अभिषिञ्च तुमाम् सुगतं वा वचनं अमृत-अभिषेकं

Abhiṣiṃca tumāṃ, sugata vara vacana amṛta-abhiṣekai

आहारं आहारं आयुःसन्धारणं

Āhara āhara, āyuh-sandhāraṇi

अदयं अदयं गगनं विमुक्ते

Śodhaya śodhaya, gagana viśuddhe

उद्युष्य विरुद्य विद्युद् मरुद्य इति संसृष्टीति सर्वं तथगतधृष्टना  
धृष्टेण मुद्रि

Uṣṇīṣa-vijaya viśuddhe, sahasra-raśmi, saṃsudīti sarva tathāgata-adhiṣṭana-  
adhiṣṭite mudrī

वज्रकय संकगत विद्युद्

Vajra-kāya saṃhatana viśuddhe

सर्ववाम उद् चणित वक्रय प्रयः उद्

Sarva avaraṇa śuddhe pratinivattāya āyuh śuddhe

समय प्रधृष्टेण मणि मणि

Samaya adhiṣṭite maṇi maṇi

तथगत बुत कले परिद्युद्

Tathātā bhūta koṭi pariśuddhe

विष्णुत्स वद् उद्

Cisphuṭa buddhi śuddhe

जय जय विरुद्य विरुद्यस्मि स्मि

Jaya jaya, vijaya vijaya, smara smara

सर्व बुद्धधृष्टेण उद्

Sarva buddha adhiṣṭita śuddhe

वज्रि वज्रगर्भ वज्रं भवतु

Vajrī vajra-garbha, vajrāṃ bhavatu

मम सर्वं सर्वानाम् कय विद्युद्

Mama sarva-satvānāmca kāya viśuddhe

सर्व गति परिद्युद्

Sarva gati pariśuddhe

सर्वं तथगतं समं स्वसधृष्टेण बुद्धं बुद्धं बोधय बोधय

Sarva tathāgata sama śvasa adhiṣṭite, buddha buddha, bodhaya bodhaya

Tam mñān da bāt lī thuāt đē

समं परिद्युद्

Samanta pariśuddhe

सर्वं तथगतधृष्टनाधृष्टेणमन् मुद्रि स्वहं

Sarva tathāgata adhiṣṭana adhiṣṭita, mahā-mudrī svāhā

Tiếng đã tụng chẳng cao chẳng thấp, chẳng chậm chẳng gấp rút. Một lòng duyên quán Đức Phật Tỳ Lô Giá Na mỗi mỗi thật rõ ràng. Tụng bảy biến xong, đưa Ân bung tán trên đỉnh đầu.

\_ Lấy tràng hạt kết bằng hạt Bồ Đề, an ở trong lòng bàn tay, tụng **Gia Trì Niệm Châu Chân Ngôn** là:

“Án, vī lô già na, ma la, sa-phộc hạ”

उं वीरवन मल हन

Oṃ \_ Vairocana māla svāhā

Tụng bảy biến xong, an trên đỉnh đầu. Đem tay trái để ngang trái tim nâng tràng hạt, tay phải dờ hạt châu. Mỗi khi tiếng ngang với **Sa-phộc hạ** (Svāhā) thì dờ một hạt châu. Niệm tụng đến 108 biến, cho đến một ngàn biến.

\_ Lại lấy tràng hạt cuộn lại ở trong lòng bàn tay, chấp tay an ở trên đỉnh đầu rồi phát nguyện mong cầu điều màu nhiệm trong sạch. Nguyện cho tất cả chúng sinh thấy đều đắc được.

\_ Lại kết **Bản Tôn Ân**, tụng bảy biến hoặc ba biến

\_ Lại kết **Kim Cương Ba La Mật Ân**

\_ Lại kết năm loại **Cúng Dường Ân** kèm tụng năm loại Chân Ngôn để cúng dường, đủ như bên trên nói

\_ Liên kết **Bát Động Tôn Ân**, tụng một biến, đem Ân chuyển theo bên trái liên thành **Giải Giới**

\_ Cầm vật khí Át Già phụng hiến cúng dường. Liên kết **Tam Muội Gia Ân** lúc trước đưa ngang trên đỉnh đầu, phụng tống (đưa tiễn). Tụng **Tam Muội Gia Chân Ngôn** một biến.

Chẳng mở Ân này, liên tụng **Kim Cương Giải Thoát Chân Ngôn** là:

“Ân, phộc nhật-la, mô cật-xoa, mục”

ॐ २३ ३३ ३

**Oṃ Vajra-mukṣa muḥ**

Phụng tống chư Phật, chúng Thánh

\_ Như lúc trước: Lễ bái, tỏ bày Sám Hối, Tùy Hỷ, Khuyến Thỉnh, Phát Nguyện, Hồi Hướng xong, ra khỏi Đạo Trường. Sau đó ở chỗ yên tĩnh, chuyển đọc Kinh Đại Thừa, quán **Đệ Nhất Nghĩa Đế**. Dùng Phước màu nhiệm này hồi hướng đến điều đã mong cầu, trợ thành Tất Địa.

\_ Nếu tác Pháp **Tức Tai** (Śāntika): Hướng mặt về phương Bắc. Đàn áo tròn tria, quán chúng Thánh màu trắng. Vật đã cúng dường trong Đạo Trường đều màu trắng. Thân mặc áo trắng, ngồi hướng mặt về phương Bắc, đốt **Trầm Thủy Hương**

\_ Nếu tác Pháp **Tăng Trưởng** (Puṣṭika). Ngồi hướng mặt về phương Đông. Bản Tôn với cúng dường, kèm thân của mình, quần áo thấy đều màu vàng, đốt **Bạch Đàn Hương**

\_ Nếu tác Pháp **Giáng Phục** (Abhicāruka). Ngồi hướng mặt về phương Nam. Bản Tôn với cúng dường, kèm thân của mình, quần áo đều là màu xanh hoặc màu đen, đốt **An Tức Hương**

\_ Nếu tác Pháp **Kính Ái** (Vaśikaraṇa). Ngồi hướng mặt về phương Tây. Quán Bản Tôn màu đỏ với thức ăn uống, quần áo đều là màu đỏ, đốt **Tô Hợ Hương**

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI NIỆM TỤNG NGHI QUỸ PHÁP  
\_MỘT QUYÊN (Hết)\_

01/08/2010